

Số: /BCTĐ-STP

Bắc Kạn, ngày tháng 01 năm 2024

**BÁO CÁO THẨM ĐỊNH**  
**Dự thảo Nghị quyết quy định một số chính sách hỗ trợ phát triển**  
**giáo dục mầm non ngoài công lập trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn**

Ngày 10/11/2023, Sở Tư pháp có Báo cáo thẩm định số 316/BCTĐ-STP đối với dự thảo Nghị quyết quy định một số chính sách hỗ trợ phát triển giáo dục mầm non ngoài công lập trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn. Ngày 03/01/2024, Sở Giáo dục và Đào tạo có Văn bản số 25/SGDDĐT-TCĐT về việc đề nghị thẩm định dự thảo tờ trình của UBND tỉnh, dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định một số chính sách hỗ trợ phát triển giáo dục mầm non ngoài công lập trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn. Sau khi nghiên cứu, thẩm định dự thảo Nghị quyết đã được Sở Giáo dục và Đào tạo điều chỉnh, Sở Tư pháp có báo cáo như sau:

**I. TÍNH HỢP HIẾN, HỢP PHÁP, TÍNH THỐNG NHẤT CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN VỚI HỆ THỐNG PHÁP LUẬT**

**1. Tại khoản 2 Điều 1 dự thảo Quy định**

Theo khoản 2 Điều 1 dự thảo Quy định: “Thời gian thực hiện chính sách: Từ năm 2024 đến hết năm 2028”. Mặt khác, khoản 3 Điều 14 dự thảo Quy định: “Thời gian hỗ trợ tính theo số tháng dạy thực tế tối đa 60 tháng” (từ tháng 01/2024 đến tháng 12/2028 là 60 tháng).

Các quy định trên có thể dẫn đến 02 cách hiểu: Đối với chính sách hỗ trợ trẻ nhà trẻ học tại các cơ sở giáo dục mầm non ngoài công lập và chính sách hỗ trợ kinh phí cho giáo viên, cán bộ quản lý trực tiếp chăm sóc, giáo dục trẻ, đối tượng được hỗ trợ sẽ được hưởng chính sách hỗ trợ từ tháng 01/2024 hay từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực. Do đó, để đảm bảo rõ ràng, thống nhất trong áp dụng, đề nghị nghiên cứu điều chỉnh các quy định trên.

**2. Tại Điều 2 dự thảo Quy định**

Khoản 1 Điều 2 dự thảo quy định:

“Nghị quyết này được áp dụng đối với:

1. Các cơ sở giáo dục mầm non ngoài công lập, bao gồm: Trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ thuộc loại hình dân lập và tư thục, lớp mẫu giáo độc lập, lớp mầm non độc lập, nhóm trẻ độc lập quy mô trên 07 trẻ thuộc loại hình dân lập và tư thục (sau đây gọi chung là cơ sở giáo dục mầm non ngoài công lập).

2. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc quản lý, tổ chức thực hiện chính sách”.

Để HĐND tỉnh có cơ sở xem xét, đề nghị giải thích thêm về việc xác định “nhóm trẻ độc lập quy mô trên 07 trẻ” (được hiểu là có khả năng tiếp nhận trên 07 trẻ hay thực tế có trên 07 trẻ) và các nội dung có liên quan như việc giải quyết nếu trong thời gian hoạt động không đảm bảo số lượng trên 07 trẻ (nếu được hiểu là thực tế phải có trên 07 trẻ), trẻ nhà trẻ học tại các nhóm trẻ có quy mô dưới 07 trẻ thì có được hưởng chính sách hỗ trợ không... Hoặc cần nhắc điều chỉnh theo hướng loại trừ trường hợp được quy định tại khoản 5 Điều 10 Nghị định số 46/2017/NĐ-CP ngày 21/4/2017 của Chính phủ quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 135/2018/NĐ-CP).

Ngoài ra, để đảm bảo đầy đủ đối tượng áp dụng, đề nghị nghiên cứu bổ sung vào quy định tại Điều 2 dự thảo Quy định đối tượng tại Điều 5 và Điều 13 dự thảo.

### 3. Tại khoản 4 Điều 5 dự thảo Quy định

Khoản 4 Điều 5 dự thảo quy định về đối tượng hỗ trợ là trẻ nhà trẻ đang học tại cơ sở giáo dục mầm non ngoài công lập có cha hoặc mẹ hoặc người chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ em là công nhân, người lao động đang làm việc tại các cụm công nghiệp hoặc tại các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh được ký hợp đồng lao động theo quy định.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 8 Nghị định số 105/2020/NĐ-CP ngày 08/9/2020 của Chính phủ quy định chính sách phát triển giáo dục mầm non, đối tượng hưởng chính sách là: “Trẻ em đang học tại các cơ sở giáo dục mầm non thuộc loại hình dân lập, tư thục đã được cơ quan có thẩm quyền cấp phép thành lập và hoạt động theo đúng quy định có cha hoặc mẹ hoặc người chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ em là công nhân, người lao động đang làm việc tại các khu công nghiệp được doanh nghiệp ký hợp đồng lao động theo quy định”.

Đồng thời theo khoản 2 Điều này:

“Trẻ em thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này được hỗ trợ tối thiểu 160.000 đồng/trẻ/tháng. Thời gian hỗ trợ tính theo số tháng học thực tế, nhưng không quá 9 tháng/năm học.

Mức hỗ trợ do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng phù hợp với khả năng ngân sách của địa phương, trình Hội đồng nhân dân cùng cấp xem xét, quyết định”.

Do đó, để HĐND tỉnh có cơ sở xem xét, đề nghị đơn vị soạn thảo giải trình thêm về việc thực hiện chính sách tại Điều 8 Nghị định số 105/2020/NĐ-CP đối với đối tượng là trẻ mẫu giáo có cha hoặc mẹ hoặc người chăm sóc, nuôi dưỡng

trẻ em là công nhân, người lao động đang làm việc tại các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh; trẻ có cha hoặc mẹ hoặc người chăm sóc, nuôi dưỡng đang làm việc tại các khu công nghiệp không thuộc địa bàn tỉnh, thỏa mãn các điều kiện khác để hưởng chính sách theo quy định tại Điều 8 Nghị định này nhưng không được quy định mức hỗ trợ tại dự thảo Nghị quyết.

#### 4. Khoản 3 Điều 6 dự thảo Quy định

Khoản 3 Điều 6 dự thảo quy định: *“Trường hợp một trẻ thuộc nhiều đối tượng thì chỉ được hưởng một mức hỗ trợ”*.

Để đảm bảo rõ ràng, đề nghị điều chỉnh theo hướng: Trường hợp một trẻ thuộc nhiều đối tượng thì chỉ được hưởng mức hỗ trợ cao nhất.

#### 5. Tại Điều 8 dự thảo Quy định

**5.1.** Hồ sơ, trình tự, phương thức thực hiện đối với đối tượng hỗ trợ là trẻ nhà trẻ đang học tại cơ sở giáo dục mầm non ngoài công lập có cha hoặc mẹ hoặc người chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ em là công nhân, người lao động đang làm việc tại các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh đã được quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 8 Nghị định số 105/2020/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ). Do đó, đề nghị rà soát điều chỉnh quy định tại Điều 8 dự thảo cho phù hợp.

**5.2.** Đề nghị xem xét điều chỉnh quy định về sổ hộ khẩu tại điểm đ khoản 1 Điều 8 dự thảo Quy định, đảm bảo phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 38 Luật Cư trú năm 2020.

#### 6. Tại Điều 9 dự thảo Quy định

Để tránh trùng lặp với chính sách hỗ trợ tại Điều 5 Nghị định số 105/2020/NĐ-CP, đề nghị xem xét bổ sung vào Điều 9 dự thảo quy định loại trừ đối với đối tượng tại khoản 1 Điều 5 Nghị định này.

#### 7. Về hỗ trợ đối với cán bộ quản lý trực tiếp chăm sóc, giáo dục trẻ

Mục 3 Chương II dự thảo quy định về *“Chính sách hỗ trợ kinh phí cho giáo viên, cán bộ quản lý trực tiếp chăm sóc, giáo dục trẻ”*.

Điều 13 dự thảo quy định đối tượng hỗ trợ: *“Giáo viên, cán bộ quản lý trong cơ sở giáo dục mầm non ngoài công lập trực tiếp thực hiện nhiệm vụ nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em (sau đây gọi chung là giáo viên)”*.

Tuy nhiên, tại Báo cáo thuyết minh, đơn vị soạn thảo chưa làm rõ sự cần thiết, cơ sở xây dựng mức hỗ trợ đối với đối tượng là cán bộ quản lý. Đồng thời, một số nội dung tại dự thảo Quy định chưa thực sự phù hợp với đối tượng này như: khoản 3 Điều 14 dự thảo quy định: *“Thời gian hỗ trợ tính theo số tháng dạy thực tế...”*; khoản 1, khoản 3 Điều 15 quy định về điều kiện hỗ trợ: *“Phải đảm bảo đạt chuẩn trình độ đào tạo giáo viên mầm non theo quy định hiện hành”*,

“*Giảng dạy nhóm, lớp có số trẻ được tổ chức thành các nhóm, lớp theo đúng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo*” ... Do đó, đề nghị xem xét điều chỉnh.

### **8. Tại Mục 3 Chương II dự thảo Quy định**

Đối với đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 10 Nghị định số 105/2020/NĐ-CP, để tránh quy định thêm hoặc không phù hợp về điều kiện với quy định của Nghị định (*khoản 1 Điều 10 Nghị định này không yêu cầu phải được đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp theo quy định*), về hồ sơ (*điểm a khoản 3 Điều 10 Nghị định này không yêu cầu phải có bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực Bảng lương hàng tháng của giáo viên*), về phương thức thực hiện (*theo điểm c khoản 3 Điều 10 Nghị định này: “Cơ sở giáo dục mầm non chịu trách nhiệm tiếp nhận kinh phí và chi trả kinh phí hỗ trợ trực tiếp bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản cho giáo viên”*). Mặt khác, theo quy định tại khoản 2 Điều 10 Nghị định này: “*Mức hỗ trợ do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng phù hợp với khả năng ngân sách của địa phương, trình Hội đồng nhân dân cùng cấp xem xét, quyết định*”. Do đó, đề nghị đơn vị soạn thảo điều chỉnh theo hướng quy định riêng về mức hỗ trợ đối với đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 10 Nghị định số 105/2020/NĐ-CP với các nội dung về đối tượng, điều kiện, mức hỗ trợ, hồ sơ, trình tự, phương thức thực hiện hỗ trợ với các đối tượng khác.

### **9. Nội dung khác**

Để đảm bảo đầy đủ cơ sở để HĐND tỉnh xem xét, đồng thời, đảm bảo không trùng lặp về đối tượng, chính sách hỗ trợ, đề nghị đơn vị soạn thảo bổ sung vào hồ sơ trình HĐND tỉnh nội dung báo cáo về các chính sách và việc thực hiện các chính sách đã có đối với trẻ nhà trẻ, giáo viên, cơ sở giáo dục mầm non ngoài công lập.

## **II. THỂ THỨC, KỸ THUẬT TRÌNH BÀY VĂN BẢN**

**1.** Tại phần tên dự thảo Nghị quyết: Để đảm bảo phù hợp với Mẫu số 17 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản QPPL, đề nghị bổ sung cụm từ “Ban hành” vào trước “Quy định một số chính sách...”.

**2.** Tại khoản 4 Điều 3 dự thảo Quy định: Để đảm bảo chính xác, đồng thời thống nhất về cách sử dụng từ ngữ, đề nghị điều chỉnh nội dung “*S là chi phí đền bù*” thành “*S là mức bồi hoàn kinh phí*”. Đồng thời, để đảm bảo phù hợp với tên điều: “*Nguyên tắc áp dụng*”; đề nghị chuyển nội dung quy định tại khoản 4 Điều 3 (*về bồi hoàn kinh phí hỗ trợ mua sắm đồ dùng - đồ chơi - thiết bị dạy học*) sang Mục 2 Chương II dự thảo Quy định.

Trên đây là Báo cáo thẩm định đối với dự thảo Nghị quyết quy định một số chính sách hỗ trợ phát triển giáo dục mầm non ngoài công lập trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn, Sở Tư pháp gửi Sở Giáo dục và Đào tạo xem xét, tổng hợp./.

***Nơi nhận:***

- Sở Giáo dục và Đào tạo;
- GD, PGD Sở (đ/c Trung);
- Lưu: VT, XD&KTVB.

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Phạm Quốc Trung**